

TT	ng ph	o n ng		M c giá (/m2)				
		T	n	M t ng chính	ng nhánh có chi u r ng t 3 m tr lên	ng nhánh có chi u r ng t 2m n d i 3 m	ng nhánh (ngõ) có chi u r ng nh h n 2m	Khu còn l i
1	Khu dân c trên o							
1. 1	Xóm Kèo, xóm Cát, Xóm ình, xóm ông (Tr c ng chính xóm)	u ng ra o	Tr ng h c (h t th a 28 T18)	2.200.000	880,000	620,000	560,000	500,000
1. 1.1		Tr ng h c	Ngã 3 (h t th a 57 T8)	2.000.000	800,000	600,000	550,000	500,000
1. 1.2		Ngã 3	H t th a 7 t 8	1.500.000	600,000	580,000	540,000	500,000
1. 1.3		Ngã 3	H t th a 37 t 15	1.500.000	600,000	580,000	540,000	500,000
1. 1.4		H t th a 37 t 15	H t th a 51 t 13	1.000.000	560,000	540,000	520,000	500,000
1. 2	ng sang v n phòng Công ty Âu L c	ng vào xã (Th a 26 T18)	H t th a 8 t 33	1.500.000	600,000	580,000	540,000	500,000
1. 3	Khu xóm Nam							
1. 3.1	ng vào n Biên phòng	Bám ng		2.200.000	880,000	620,000	560,000	500,000
1. 3.2		Dãy 2		1.800.000	720,000	600,000	550,000	500,000
1. 3.3	ng vào xóm Nam	Bám ng		1.800.000	720,000	600,000	550,000	500,000
1. 3.4		Dãy 2		1.500.000	600,000	580,000	540,000	500,000
1. 3.5	Khu còn l i xóm Nam			1.300.000	580,000	540,000	520,000	500,000
2	Khu Công ty Âu l c							

TT	ng ph	o n ng		M c giá (/m2)				
		T	n	M t ng chính	ng nhánh có chi u r ng t 3 m tr lên	ng nhánh có chi u r ng t 2m n d i 3 m	ng nhánh (ngõ) có chi u r ng nh h n 2m	Khu còn l i
2. 1	Khu giao 98 ha	Tr n khu		3,600,000				
2. 2	Khu ông nam o	Khu bi t th s 4,5		5 700.000				
2. 2. 1		Khu bi t th s 1,2,3		4 500.000				
2.2.2		Khu còn l i		3,600,000				

Ghi chú:

- Các th a t có v trí góc bám t 2 m t ng tr lên trong ó có ít nh t 2 m t ng r ng t 3 m tr lên thì giá tính b ng 1,2 l n giá t (m c giá cao nh t c a m t ng ti p giáp v i th a t) theo v trí quy nh t i b ng giá này.
- i v i th a t bám ng có chênh cao (ho c th p h n) so v i m t ng (tính t ch gi i XD tr vào):
 - T 2m n d i 3m giá t b ng 80% giá t quy nh cùng v trí, cùng khu v c t i b ng giá này.
 - T 3m tr lên giá t b ng 70% giá t quy nh cùng v trí, cùng khu v c t i b ng giá này.